

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 83/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 8 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn giữa
anh H và chị T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên;

Bà Đỗ Thị Thanh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1314/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn H, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn LV, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Thôn LV, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; cư trú tại: CN; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 12/6/2017 và các văn bản khác, nguyên đơn là Anh Đinh Văn H trình bày: Anh H và chị T kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận nhưng đến tháng 6/2013 thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách hai bên không còn phù hợp, bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình nên thường xảy ra xích mích. Gia đình, người thân đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên kể từ tháng 02/2014,

anh H và chị T đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm đối với chị T không còn, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng khắc phục nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị T.

Tại đơn đề nghị, bản tự khai ngày 23/5/2017 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) Chị Hoàng Thị T xác nhận mối quan hệ giữa chị T và anh H được xác lập như anh H trình bày. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H hòa thuận được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách hai bên không phù hợp, bất đồng quan điểm sống và bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên chị T và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Nay nhận tình cảm đối với anh H không còn nên chị T đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H.

Về quan hệ nuôi con: Anh H và chị T xác nhận quá trình chung sống có ba con chung là Đinh Thị TT, sinh ngày 16/6/2006; Đinh Thị TA, sinh ngày 21/12/2010 và Đinh TK, sinh ngày 27/5/2013. Hiện tại, chị T làm việc tại Hồng Kông, còn anh H làm nghề tàu biển, thường xuyên vắng nhà nên các con chung của anh H chị T được bà Nguyễn Thị D (là mẹ đẻ chị T) chăm sóc. Hàng tháng chị T gửi tiền về để bà ngoại chăm sóc các con chung. Nay ly hôn, anh H chị T thống nhất để chị T trực tiếp nuôi cả ba con chung vì công việc của anh H thường xuyên đi xa, không có điều kiện chăm nuôi con. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung anh H và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Anh H và chị T thống nhất trình bày, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh H vắng mặt và có đơn đề nghị trình bày vì lý do công việc không thể có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H cam kết vẫn giữ nguyên quan điểm về yêu cầu xin ly hôn, việc nuôi con chung; đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung như đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai.

Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt. Anh H cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì lý do công việc không thể có mặt tại phiên tòa. Đề nghị của anh H, chị T phù hợp với quy định tại khoản

1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng năm 2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh H và chị T chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong khoảng 08 năm đầu thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống và tính cách hai bên không còn phù hợp. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay anh H chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng khắc phục và đã sống ly thân nên anh H và chị T đều thống nhất yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của anh H và chị T là tự nguyện; phù hợp với tình trạng thực tế gia đình anh H và chị T và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con: Anh H và chị T xác nhận có ba con chung như nêu trên. Xét thấy quan điểm của anh H và chị T thống nhất về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với điều kiện hiện tại của các đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh H và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc này để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con - Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về quan hệ tài sản: Anh H và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Đinh Văn H được ly hôn với Chị Hoàng Thị T.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao con chung là Đinh Thị TT, sinh ngày 16/6/2006; Đinh Thị TA, sinh ngày 21/12/2010 và Đinh TK, sinh ngày 27/5/2013 cho Chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung anh H và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H có quyền thăm nom con, chị T không được cản trở anh H thực hiện quyền này. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản: Anh H và chị T không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Đinh Văn H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 3835 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đinh Văn H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, Anh Đinh Văn H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã DQ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương

